

## GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH CỦA TƯỢNG TAM THỂ PHẬT TRONG CHÙA VIỆT Ở BẮC BỘ, THẾ KỶ XVI - XVII

TS. TRIỆU THẾ VIỆT\*

Tự bao đời, người Việt ở Bắc Bộ đã quần cư trong những ngôi làng. Mỗi ngôi làng lại thường “ôm chứa” một ngôi chùa phong rêu và xinh xắn như tứ thơ cổ. Và, chính ngôi chùa ấy lại ủ ấm những khát vọng thâm thì truyền đời của người Việt.

Không gian chùa Việt ấm cúng với những pho tượng trầm mặc bằng đất nện với giấy bản, vôi, mật mía hay trấu bện, bằng gỗ mít hay vàng tâm, bằng đá hay là đồng kích cỡ “vừa phải” xấp xỉ hơn kém khổ người thật một chút, với lấp lánh ánh vàng, sơn then huyền hoặc, màu cánh gián duyên thầm, son thắm, son nhì, son trai uyển chuyển trong sắc độ, trắng ngọc hay trắng ngà làm nên bao cung bậc của màu sắc, đủ khiến ta ngỡ ngàng khi ngắm thật kỹ, rất thực và phi thực. Dù chỉ là sơn, lót, phủ hom cốt rồi thếp vàng hoàn toàn thủ công mà đến nay những kiệt tác ấy vẫn còn mãi với non sông. Thật là cách dùng chất liệu và màu sắc như cuộc rong chơi tạo hình, nhẩn nha mà tinh tế. Người Việt ở Bắc Bộ thờ Phật theo lối suy tư của thế gian, nên điện thờ Phật là tiểu Niết bàn, khai mở nơi cõi thế, vừa trang nghiêm lí đạo và thấu lẽ tình đời. Thông thường, tượng chơi thì để mộc, nhưng khi đã là tượng thờ thì người Việt ứng xử thật trang trọng.

Tượng thờ bài trí trên Đại hùng bảo điện ở chùa Việt thuộc Bắc Bộ, sau thời Lý, có gia tăng số lượng và thể loại. Sự sắp đặt tùy theo mỗi ngôi chùa, mỗi thời đại, nhưng bộ tượng Tam thể Phật thường xuất hiện ở trên Phật điện trong chùa Việt ít nhất từ thời Mạc cho đến nay. Bộ tượng gồm 3 pho, ở mỗi chùa

có thể cách tạo tác theo phong cách riêng, nhưng cấu trúc tổng thể về tạo hình là giống nhau theo dáng Phật ngồi đạị định, kết thủ ấn, tĩnh lặng, mắt bi, miệng hỷ, các pho trong bộ tượng chỉ khác nhau ở cách thủ ấn và chi tiết nhỏ.

Trong bài viết này, tác giả mong muốn tìm hiểu tạo hình tượng thời Mạc và sự biến đổi sang phong cách thời Lê Trung hưng với sự ảnh hưởng khách quan đầy biến động của xã hội thời kỳ này.

Bộ tượng Tam thể Phật có nhiều tên gọi và cách hiểu khác nhau, như:

- Tam thể Phật tức ba vị Phật, được định danh là: Phật quá khứ - Ca Diếp Phật (S: Kāsyaapa), Phật hiện tại - Thích Ca Mâu Ni Phật (S: Sākyamuni), Phật vị lai - Di Lặc Tôn Phật (S: Maitreya). Tên gọi và cách hiểu này khá phổ biến, nhưng rất dễ nhầm lẫn vì đã có tượng Thích Ca Mâu Ni Phật và tượng Di Lặc Tôn Phật xếp theo trục dọc trên Phật điện.

- Tam thể Tam thiên Phật hay Tam thể Phật, với tên gọi đầy đủ là Tam thể thường trụ diệu pháp thân, là biểu tượng của: Quá khứ thế (Trang nghiêm kiếp), Hiện tại thế (Hiện kiếp), Vị lai thế (Tinh tú kiếp). Tượng Tam thể gồm ba pho, mỗi pho tượng trưng cho hằng hà sa số Phật ở mỗi Đại kiếp.

- Tam thể Tam thân Phật là Pháp thân Phật (S: Dharmakaya): “Pháp thân là tên gọi chỉ sự hiện hữu tuyệt đối, biểu hiện cho mọi thực thể tồn tại. Là chân thể của thực tại, đức Phật như là nguyên lý vĩnh hằng. Một trong tam thân của Phật, là chân thân vượt ra ngoài sắc tướng, là căn bản của tất cả các pháp. Giáo pháp như là thân Phật, khác với thân thể vật lý của đức Phật” [6. tr. 467 - 468]. Báo thân Phật (S: Sambhoga): “Thân lý tướng của Phật, đạt

\* *Đại học Khoa học xã hội và nhân văn*

được sau khi thành Phật do lời nguyện đã phát ra trong khi thực hành công hạnh Bồ tát. A - Di - Đà được xem là Báo thân Phật. Duy thức gọi thân này là Thụ dụng thân. Báo thân là một trong tam thân” [6. tr. 54]. Hóa thân Phật (S: Nirmanakaya), còn có tên khác là “Ứng thân, Biến hóa thân, thân Thị hiện, là thân nhất thời của Đức Phật. Thân Thị hiện bằng năng lực thần thông, một trong Tam thân Phật. Thân Biến hóa của Phật ứng hợp với sắc tướng của chúng sinh để giáo hóa và cứu độ, còn được gọi là Ứng thân” [6. tr. 244].

Như vậy, khái niệm này có nhiều tên gọi và cách hiểu khác nhau, trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi đề cập đến cách hiểu thứ hai với tên gọi và Tam thế Phật.

Để thấy được sự biến đổi phong cách tạo hình của thể loại tượng này trong khoảng thời gian cuối

thế kỷ XVI (thời Mạc) đến những thập kỷ đầu thế kỷ XVII (thời Lê Trung hưng), chúng tôi tập trung khảo tả, so sánh và giải mã về giá trị tạo hình ở 5 bộ tượng Tam thế Phật. Qua phép so sánh cũng thấy rõ những thay đổi về đặc điểm tạo hình có xu hướng xa dần với phong cách tạo hình tượng thời Mạc và tiến gần hơn tới phong cách tạo hình tượng thời Lê Trung hưng. Dãy so sánh tạo hình gồm:

- Đại diện phong cách tạo hình thời Mạc là bộ tượng Tam thế Tam thiên Phật chùa Thầy (Hà Nội).
- Giai đoạn chuyển tiếp phong cách là 3 bộ tượng ở chùa Ninh Hiệp (Hà Nội), chùa Côn Sơn (Hải Dương) và chùa Vĩnh Nghiêm (Bắc Giang).
- Đại diện phong cách tạo hình thời Lê Trung hưng là bộ tượng Tam thế Tam thiên Phật chùa Bút Tháp (Bắc Ninh).



Bộ tượng Tam thế chùa Hương Trại, Hoài Đức, Hà Nội (TK. XVI - XVII) - Ảnh: Trần Lâm

Bảng so sánh tạo hình 5 bộ tượng Tam thế Phật

	Tam thế Phật chùa Thầy	Tam thế Phật chùa Ninh Hiệp	Tam thế Phật chùa Côn Sơn	Tam thế Phật chùa Vĩnh Nghiêm	Tam thế Phật chùa Bút Tháp
<b>Tỉ lệ</b>	3 đầu + 1/3		3 đầu + 1/2	3 đầu + 2/5	3 đầu + 3/4
<b>Đầu và chân dung</b>	Nhục ké nhô lên thành một khối tròn như bát úp. Trên khối nhục ké là khối bán cầu được gọi là tướng Sahasrāra [6, tr. 693], với biểu tượng là bông sen ngàn cánh <sup>1</sup> . Tóc xoáy ốc ngược chiều kim đồng hồ, màu đen.	Khác bộ tượng ở chùa Thầy. Tướng Sahasrāra là khối cầu, đứng độc lập trên khối nhục ké. Tóc xoáy ốc ngược chiều kim đồng hồ, màu đen.	Khối nhục ké và tướng Sahasrāra giống bộ tượng ở chùa Ninh Hiệp. Khối cầu tướng Sahasrāra có trang trí hàng cánh sen ở dưới. Tóc xoáy ốc ngược chiều kim đồng hồ, màu đen.	Khối nhục ké khá thấp. Tướng Sahasrāra nhô cao 10mm. Khối đầu tượng có tạo hình khác đầu tượng ở các chùa: Thầy, Ninh Hiệp, Côn Sơn. Tóc xoáy ngược chiều kim đồng hồ, màu đen.	Đỉnh đầu có xu hướng phẳng, nở sang hai bên, không thể hiện đỉnh Sahasrāra và tướng Unisha khác hẳn đầu tượng cùng loại ở các chùa: Thầy, Ninh Hiệp, Côn Sơn Vĩnh Nghiêm. Tóc xoáy ngược chiều kim đồng hồ, màu đen.
<b>Chân dung</b>	Khuôn mặt mang tính chất nữ, thanh tú, mày nguyệt mi. Mắt nổi khối vòng. Môi mỏng, khoe miệng cong lên trên. Thùy tai hình giọt châu.	Giống bộ tượng ở chùa Thầy	Giống bộ tượng ở chùa Thầy và chùa Ninh Hiệp. Khuôn mặt thon hơn.	Tạo hình khác so với ba bộ tượng phía trước. Khuôn mặt nam giới, pho hiện tại thể còn có ria như đao mây lửa thế kỷ XVII.	Mắt không nổi khối. Khuôn mặt đầy đặn, tràn nở và môi dày, mang tính nam giới. Thùy tai kết đài sen.
<b>Thân tượng</b>	Tạo hình mang tính chất nữ, một số chi tiết nam giới, ngực nở, vai đầy. Bụng phẳng, eo thon, hai bên sườn và khuỷu tay hõm sâu xuống (đây là đặc điểm của tượng thời Mạc). Trang sức dây anh lạc kết thành chuỗi, trang trí cầu kỳ.	Tạo hình giống bộ tượng ở chùa Thầy nhưng thân đã đầy hơn. Trang sức dây anh lạc hình vân xoắn tròn.	Tạo hình đặc trưng nữ giới, ngực nhô lên, eo thon, vai xuôi. Trang sức hình vân xoắn tròn, hoa sen, bảo châu,...	Tạo hình mang đặc trưng nam giới, ngực nở, vai đầy, khối thô, lớn. Trang sức bằng bảo châu kết chuỗi, hoa sen. Bụng dưới phình ra, khác với tượng thế kỷ XVI (bụng phẳng).	Tạo hình giống tượng cùng loại ở chùa Đức La. Trang sức bằng bảo châu kết chuỗi, hoa sen, bảo cái... Bụng dưới phồng ra, khác với tượng thế kỷ XVI (bụng phẳng). Hai hõm bên eo tượng sát với cánh tay đã đầy lên (khác với tượng thời Mạc)
<b>Y phục</b>	Yếm kéo ngang ngực, khoác áo ngoài, nhiều nếp, ôm gọn lấy đùi.	Thắt yếm giống tượng cùng loại ở chùa Thầy, nhưng vạt áo buông rủ qua đài sen.	Thắt yếm, mặc áo theo lối khất sĩ - Phật giáo Nam tông.	Nếp áo không ép sát với thân nữa, hõm tay không sâu. Nếp áo không miêu tả nhiều mà được miêu tả tập trung ở khoảng ngang thân, tay và chấy trên đùi.	Nếp áo được miêu tả tập trung ở khoảng ngang thân, tay và chấy trên đùi. Nếp dải dây yếm tả kỹ hơn tượng Vĩnh Nghiêm.
<b>Đài sen</b>	Phong cách tượng thời Mạc.				Không giống phong cách tượng thời Mạc

Từ sự so sánh trên, chúng ta nhận thấy, những đặc điểm riêng của hai phong cách tượng thời Mạc và thời Lê Trung hưng.

- Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, bộ tượng Tam thế Phật ở chùa Thầy (Hà Nội) đại diện cho phong cách tạo hình thời Mạc, với các đặc điểm:

Chân dung hướng nữ, khuôn mặt thanh tú, ngũ quan cân đối hài hòa, chân dung là một khối thon, sọ nở căng, vầng mày nguyệt mi, cằm hơi nhọn, môi mỏng và sống mũi thấp. Dù cách tạo hình theo khuôn mẫu Phật giáo nhưng vẫn giàu tính dân gian (tính dân gian phát triển mạnh ở thời Mạc) thể hiện ở nét mặt hồn nhiên, đôn hậu ở nụ cười hỷ xả - "Có thể nghĩ rằng, nụ cười của tượng Tam thế chùa Thầy được coi như một trong những nụ cười hoàn chỉnh nhất của nghệ thuật tạo tượng Phật của người Việt" [2. tr. 46]. Khối đầu tròn đều và tương Sahasrāra<sup>1</sup> là khối cầu, nằm nổi trên khối nhục kế.

Thân tượng mỏng và thon, hai hõm tay sâu vào trong sườn tượng. Ngực phẳng, khối bụng dưới phẳng: "Tượng mặc áo cà sa nhiều lớp..., nếp áo chưa rối và nhiều, còn hiện tượng bó sát người, khiến cơ thể vẫn lộ khối ra ngoài, mặt nào kiểu tạc tượng của thời Lý (vai nở, bụng thon) được kể thừa rõ ràng" [1. tr. 196].

Tỷ lệ giữa thân tượng với đầu tượng ở tỷ lệ tọa tam (thực tế đo được là  $3 \text{ đầu}^2 + 1/3 \text{ đầu}$ ).

Đài sen có cánh sen có nét tương đồng với phong cách thời Mạc, khối căng, cánh sen phồng lên, đầy đặn, đầu cánh sen có gờ cạnh, cánh sen kết cấu với trục đài sen một góc lớn hơn  $75^\circ$ .

- Phong cách tạo hình tượng thời Lê Trung hưng, với đại diện là bộ tượng Tam thế Phật ở chùa Bút Tháp (Bắc Ninh).

Chân dung có cách tạo khối khác với tượng thời Mạc. Các khối má, môi, cằm hay mắt khá riêng biệt. Môi đã dày lên, sống mũi cao, mặt đầy. Khối sọ không nở mà hài hòa với khối má và cằm. Đầu tượng tròn, có tướng Sahasrāra thấp, ít nổi hơn.

Thân tượng dầy hơn, hai hõm tay sát sườn tượng đã đầy lên, ngực nở, bụng dưới tượng phồng là chi tiết khác hẳn phong cách thời Mạc.

Tỷ lệ giữa thân và đầu là  $3 \text{ đầu} + 3/4$ . Đây là một tỷ lệ khác xa phong cách tượng Tam thế Phật thời Mạc. Tỷ lệ này cân đối và gần mẫu người thực hơn.

Đặc điểm chung trên tượng ở giai đoạn này là tạo khối đầy, lớn và khái quát cao. Các chi tiết chân dung, cơ thể, tay có cấu trúc gần với nam giới hơn. Khối bụng dưới phình lên, hai hõm tay

sát sườn đầy. Đây là hai chi tiết không có ở tượng thế kỷ XVI.

Về đặc điểm trang trí: thùy tai kết hoa sen là chi tiết giống bộ tượng Di Đà Tam tôn ở chùa Thầy (Hà Nội) và tượng Quan Âm Thiên thủ Thiên nhãn chùa Bút Tháp (Bắc Ninh). Đây cũng là đặc điểm phong cách tạo hình tượng thời Lê Trung hưng.

Như vậy, phong cách tạo tượng Tam thế Phật ở chùa Thầy mang đặc điểm thời Mạc. Sự biến đổi phong cách - từ bộ tượng Tam thế Phật ở chùa Ninh Hiệp đến bộ tượng Tam thế Phật ở chùa Côn Sơn, phong cách thời Mạc đã thay đổi và gần hơn với phong cách thời Lê Trung hưng. Đến bộ tượng Tam thế Phật ở chùa Vĩnh Nghiêm thì đã định hình rõ nét phong cách Lê Trung hưng (ngoại trừ đài sen vẫn giữ phong cách thời Mạc).

Từ đó, có thể thấy rằng, những bộ tượng trong chùa Việt, dẫu mang khuôn mẫu Phật giáo, nhưng hàm chứa những tinh hoa của văn hóa truyền thống. Chúng tôi tiếp cận từ góc độ mỹ thuật học, nghiên cứu về tạo hình tượng thời Mạc và sự biến đổi sang phong cách thời Lê Trung hưng của thể loại tượng Tam thế Phật, với hi vọng góp phần lấp nối thành một con đường nghệ thuật mà những kiệt tác nghệ thuật đó cũng chính là biểu tượng về giá trị chân, thiện, mỹ của người Việt xưa. /

T.T.V

**Chú thích:**

1- Trung khu 7 (Sahasrāsa cakra), đặc quả Lưu tận chứng thông, chủng tử mantra là OM. Bông sen ngàn cánh phát ra ánh sáng chói lòe màu xanh, có năng lượng vô tận, tại đỉnh đầu:

- Hiểu tận cùng bản chất của sự vật.

- Thấu được lẽ "nhân" xuyên chày trong "quả" ba thời Quá khứ, Hiện tại, Vị lai. Vượt thời gian vô thường, đạt tới vô thủy vô chung của thời gian.

2- Tỷ lệ 3 đầu nghĩa là chiều cao thân tượng bằng 3 lần chiều cao đầu, nếu có lẽ như  $1/2; 1/4 \dots$  nghĩa là khoảng dài bằng  $1/2$  hay  $1/4$  chiều cao của đầu tượng.

**Tài liệu dẫn:**

1- Trần Lâm Biển (2003), *Chùa Việt*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

2- Trần Lâm Biển (2003), *Một con đường tiếp cận lịch sử*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

3- Nguyễn Du Chi (2001), *Trên đường tìm về cái đẹp của cha ông*, Viện Mỹ thuật, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.

4- Hoàng Giá, Phan Cẩm Thượng, Phạm Thuận Thành (2008), *Huyền tích chùa Bút Tháp*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

5- Triệu Thế Việt (2013), *Giá trị nghệ thuật tượng thờ thế kỷ XVII trong chùa Việt ở Bắc bộ*, Nxb. Văn hóa Thông tin.

6- Đạo Uyển biên dịch (2006), *Chân Nguyên - Nguyễn Tường Bách - Thích Nhuận Châu, Từ điển Phật học*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.